**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP**

**BÀI 1: VAI TRÒ CỦA BẢN VẼ KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG**

**Câu 1:** Tìm đáp án **sai**: Người công nhân căn cứ theo bản vẽ để?

A. Chế tạo

B. Thiết kế

C. Lắp ráp

D. Thi công

**Câu 2:** Có mấy loại bản vẽ kĩ thuật?

A. 2

B. 3

C. Có nhiều loại

D. Đáp án khác

**Câu 3:** Bản vẽ kĩ thuật được vẽ bằng:

A. Tay

B. Dụng cụ vẽ

C. Sự trợ giúp của máy tính điện tử

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 4:** Chọn đáp án đúng: lĩnh vực không sử dụng bản vẽ kĩ thuật là:

A. Quân sự

B. Giao thông

C. Xây dựng

D. Cả 3 đáp án trên đều sai

**Câu 5:** Bản vẽ xây dựng gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, sử dụng:

A. Các công trình kiến trúc

B. Các công trình xây dựng

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về bản vẽ kĩ thuật?

A. Thường vẽ theo kích thước

B. Là các thông tin kĩ thuật trình bày dưới dạng các kĩ hiệu theo quy tắc thống nhất

C. Là các thông tin kĩ thuật trình bày dưới dạng hình vẽ theo quy tắc thống nhất

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 7:** Bản vẽ kĩ thuật được dùng trong quá trình nào?

A. Chế tạo

B. Lắp ráp

C. Vận hành và sửa chữa

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 8:** Bản vẽ kĩ thuật được xây dựng trên cơ sở:

A. Hình chiếu vuông góc

B. Phép chiếu vuông góc

C. Hình biểu diễn ba chiều vật thể

D. Đáp án khác

**Câu 9:** Trong giao tiếp, con người diễn đạt tư tưởng, tình cảm và truyền thông tin cho nhau bằng:

A. Một phương tiện thông tin

B. Hai phương tiện thông tin

C. Nhiều phương tiện thông tin

D. Không sử dụng phương tiện thông tin nào.

Vì các phương tiện đó như: tiếng nói, cử chỉ, chữ viết, hình vẽ,...

**Câu 10:** Trong bản vẽ kĩ thuật thể hiện:

A. Kích thước

B. Yêu cầu kĩ thuật

C. Vật liệu

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 11:** Bản vẽ kĩ thuật là phương tiện thông tin dùng trong:

A. Sản xuất

B. Đời sống

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 12:** Theo em, tại sao mỗi chiếc máy hoặc thiết bị, nhà sản xuất có kèm theo bản hướng dẫn sử dụng?

A. Tăng hiệu quả sử dụng sản phẩm

B. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả

C. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn

D. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn hoặc hiệu quả

**Câu 13:** Chọn phát biểu **sai**:

A. Học vẽ kĩ thuật sẽ ảnh hưởng không tốt tới các môn khoa học – xã hội khác

B. Học vẽ kĩ thuật ứng dụng vào sản xuất

C. Học vẽ kĩ thuật ứng dụng vào đời sống

D. Học vẽ kĩ thuật ứng dụng vào sản xuất và đời sống

**BÀI 2: HÌNH CHIẾU**

**Câu 14:** Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là:

A. hình chiếu

B. Vật chiếu

C. Mặt phẳng chiếu

D. Vật thể

**Câu 15:** Điểm A của vật thể có hình chiếu là điểm A’ trên mặt phẳng. Vậy A A’ gọi là:

A. Đường thẳng chiếu

B. Tia chiếu

C. Đường chiếu

D. Đoạn chiếu

**Câu 16:** Có những loại phép chiếu nào?

A. Phép chiếu xuyên tâm

B. Phép chiếu song song

C. Phép chiếu vuông góc

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 17:** Để vẽ các hình chiếu vuông góc, người ta sử dụng phép chiếu:

A. Song song

B. Vuông góc

C. Xuyên tâm

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 18:** Để vẽ các hình biểu diễn 3 chiều, người ta sử dụng phép chiếu:

A. Vuông góc

B. Vuông góc và song song

C. Song song và xuyên tâm

D. Vuông góc và xuyên tâm

**Câu 19:** Để diễn tả chính xác hình dạng vật thể, ta chiếu vuông góc vật thể theo:

A. Một hướng

B. Hai hướng

C. Ba hướng

D. Bốn hướng

**Câu 20:** Có các hình chiếu vuông góc nào?

A. Hình chiếu đứng

B. Hình chiếu bằng

C. Hình chiếu cạnh

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 21:** Để thu được hình chiếu đứng, hướng chiếu từ:

A. Trước tới

B. Trên xuống

C. Trái sang

D. Phải sang

**Câu 22:** Chọn phát biểu sai về vị trí hình chiếu:

A. Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng

B. Hình chiếu cạnh bên phải hình chiếu đứng

C. Hình chiếu đứng ở dưới hình chiếu bằng

D. Đáp án A và B đúng

**BÀI 4: BẢN VẼ CÁC KHỐI ĐA DIỆN**

**Câu 23:** Hình hộp chữ nhật được bao bởi mấy hình chữ nhật?

A. 7

B. 6

C. 5

D. 4

**Câu 24:** Hình hộp chữ nhật có kích thước:

A. Dài, rộng

B. Dài, cao

C. Rộng, cao

D. Dài, rộng, cao

**Câu 25:** Hình hộp chữ nhật có:

A. Hình chiếu đứng là hình chữ nhật

B. Hình chiếu bằng là hình chữ nhật

C. Hình chiếu cạnh là hình chữ nhật

D. Cả 3 đáp án đều đúng

**Câu 26:** Lăng trụ đều tạo bởi:

A. Hai đáy là hai đa giác đều bằng nhau, mặt bên là các hình chữ nhật

B. Hai đáy là hai đa giác, mặt bên là các hình chữ nhật

C. Hai đáy là hai đa giác đều bằng nhau, mặt bên là các hình chữ nhật bằng nhau

D. Đáp án khác

**Câu 27:** Hình chóp đều được bao bởi mặt đáy là:

A. Tam giác

B. Đa giác đều

C. Tam giác đều

D. Đáp án khác

**Câu 28:** Hình chóp đều có các mặt bên là:

A. Các tam giác bằng nhau

B. Các tam giác cân bằng nhau

C. Các tam giác đều bằng nhau

D. Các tam giác vuông bằng nhau

**Câu 29:** Lăng trụ đều đáy là tam giác thì:

A. Hình chiếu đứng là tam giác

B. Hình chiếu bằng là tam giác

C. Hình chiếu cạnh là tam giác

D. Đáp án khác

**BÀI 6: BẢN VẼ CÁC KHỐI TRÒN XOAY**

**Câu 30:** Trong các đồ vật sau, đồ vật nào có dạng tròn xoay?

A. Bát

B. Đĩa

C. Chai

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 31:** Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống: “Khi quay ......... một vòng quanh một cạnh góc vuông cố định, ta được hình nón”

A. Hình tam giác vuông

B. Hình tam giác

C. Hình chữ nhật

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 32:** Khi quay hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định, ta được hình:

A. Hình nón

B. Hình trụ

C. Hình cầu

D. Đáp án khác

**Câu 33:** Hình chiếu trên mặt phẳng song song với trục quay của hình trụ là:

A. Hình chữ nhật

B. Tam giác cân

C. Tam giác vuông

D. Đáp án khác

**Câu 34:** Hình chiếu trên mặt phẳng song song với trục quay của hình nón là:

A. Tam giác

B. Tam giác cân

C. Tam giác vuông

D. Đáp án khác

**Câu 35:** Hình chiếu trên mặt phẳng song song với trục quay của hình cầu là:

A. Hình chữ nhật

B. Tam giác

C. Hình tròn

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 36:** Đối với khối tròn xoay, người ta thường dungfhai hình chiếu để biểu diễn:

A. Hình chiếu thể hiện mặt bên và chiều cao

B. Hình chiếu thể hiện hình dạng và đường kính mặt đáy

C. Một hình chiếu thể hiện mặt bên và chiều cao, một hình chiếu thể hiện hình dạng và đường kính mặt đáy

D. Đáp án khác

**Câu 37:** Hình nón có hình chiếu đứng là tam giác cân, hình chiếu bằng là:

A. Hình tròn

B. Tam giác cân

C. Tam giác

D. Đáp án khác

**BÀI 8: KHÁI NIỆM VỀ BẢN VẼ KỸ THUẬT HÌNH CẮT**

**Câu 38:** Để biểu diễn rõ ràng bộ phận bên trong bị che khuất của vật thể, người ta dùng:

A. Hình chiếu vuông góc

B. Hình cắt

C. Hình biểu diễn ba chiều vật thể

D. Đáp án khác

**Câu 39:** Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể ở:

A. Trước mặt phẳng cắt

B. Dưới mặt phẳng cắt

C. Trên mặt phẳng cắt

D. Sau mặt phẳng cắt

**BÀI 9: BẢN VẼ CHI TIẾT**

**Câu 40:** Một chiếc máy hay sản phẩm:

A. Có nhiều chi tiết

B. Chỉ có một chi tiết

C. Chỉ có hai chi tiết

D. Đáp án khác

**Câu 41:** “Các chi tiết có chức năng......... lắp ghép với nhau tạo thành chiếc máy hay sản phẩm”. Điền vào chỗ trống:

A. Giống nhau

B. Tương tự nhau

C. Khác nhau

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 42:** Trong sản xuất, muốn tạo ra một sản phẩm, trước hết phải:

A. Lắp ráp chi tiết theo bản vẽ lắp

B. Chế tạo chi tiết theo bản vẽ chi tiết

C. Cả A và B đều đúng

D. Đáp án khác

**Câu 43:** Kích thước trên bản vẽ kĩ thuật tính theo đơn vị:

A. mm

B. cm

C. dm

D. m

**Câu 44:** Công dụng của bản vẽ chi tiết là:

A. Dùng để chế tạo chi tiết máy

B. Dùng để kiểm tra chi tiết máy

C. Dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy

D. Đáp án khác

**Câu 45:** Khi đọc bản vẽ chi tiết, phải đọc nội dung gì trước?

A. Hình biểu diễn

B. Kích thước

C. Yêu cầu kĩ thuật

D. Khung tên

**Câu 46:** Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:

A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp

B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp

C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp

D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp

## BÀI 11: BIỂU DIỄN REN

**Câu 47:** Ren có kết cấu:

A. Đơn giản

B. Phức tạp

C. Tùy từng trường hợp

D. Đáp án khác

**Câu 48:** Các loại ren được vẽ:

A. Theo cùng một quy ước

B. Theo các quy ước khác nhau

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 49:** Trong các chi tiết sau, chi tiết nào có ren?

A. Đèn sợi đốt

B. Đai ốc

C. Bulong

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 50:** Đối với ren bị che khuất, dùng nét đứt vẽ:

A. Đường đỉnh ren

B. Đường giới hạn ren

C. Đường chân ren

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 51:** Đối với ren nhìn thấy, dùng nét liền đậm vẽ:

A. Đường đỉnh ren

B. Đường giới hạn ren

C. Cả A và B đều đúng

D. Đáp án khác

**Câu 52:** Đối với ren nhìn thấy, đường chân ren vẽ bằng nét:

A. Liền mảnh

B. Liền đậm

C. Nét đứt mảnh

D. Đáp án khác

**Câu 53:** Vòng chân ren được vẽ

A. Cả vòng

B. 1/2 vòng

C. 3/4 vòng

D. 1/4 vòng

**Câu 54:** Tên gọi khác của ren ngoài là:

A. Ren lỗ

B. Ren trục

C. Cả A và B đều đúng

D. Đáp án khác

**Câu 55:** Tên gọi khác của ren trong là:

A. Ren lỗ

B. Ren trục

C. Đỉnh ren

D. Chân ren

**BÀI 13 : BẢN VẼ LẮP**

**Câu 56:** Bản vẽ lắp dùng trong:

A. Thiết kế sản phẩm

B. Lắp ráp sản phẩm

C. Sử dụng sản phẩm

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 57:** Bản vẽ lắp có thêm nội dung nào mà bản vẽ chi tiết không có?

A. Hình biểu diễn

B. Kích thước

C. Bảng kê

D. Khung tên

**Câu 58:** Bản vẽ lắp thiếu nội dung nào so với bản vẽ chi tiết?

A. Hình biểu diễn

B. Yêu cầu kĩ thuật

C. Kích thước

D. Khung tên

**Câu 59:** Trình tự đọc bản vẽ lắp khác trình tự đọc bản vẽ chi tiết ở chỗ có thêm bước:

A. Bảng kê

B. Phân tích chi tiết

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 60:** Kích thước trên bản vẽ lắp là:

A. Kích thước chung

B. Kích thước lắp

C. Cả A và B đều đúng

D. Đáp án khác

**Câu 61:** Kích thước chung trên bản vẽ lắp là kích thước:

A. Chiều dài sản phẩm

B. Chiều rộng sản phẩm

C. Chiều cao sản phẩm

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 62:** Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

A. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, phân tích chi tiết, tổng hợp

B. Khung tên, hình biểu diễn, bảng kê, kích thước, phân tích chi tiết, tổng hợp

C. Khung tên, hình biểu diễn, bảng kê, phân tích chi tiết, kích thước, tổng hợp

D. Hình biểu diễn, khung tên, bảng kê, phân tích chi tiết, kích thước, tổng hợp

**BÀI 15 : BẢN VẼ NHÀ**

**Câu 63:** Bản vẽ nhà là:

A. Bản vẽ xây dựng

B. Bản vẽ cơ khí

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 64:** Trên bản vẽ nhà có hình biểu diễn:

A. Mặt bằng

B. Mặt đứng

C. Mặt cắt

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 65:** Bản vẽ nhà xác định:

A. Hình dạng nhà

B. Kích thước nhà

C. Cấu tạo nhà

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 66:** Hình biểu diễn quan trọng nhất của bản vẽ nhà là:

A. Mặt bằng

B. Mặt đứng

C. Mặt cắt

D. Đáp án khác

**Câu 67:**  Mặt cắt biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo:

A. Chiều dài

B. Chiều rộng

C. Chiều cao

D. Đáp án khác

**Câu 68:** Trình tự đọc bản vẽ nhà theo mấy bước?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Đó là khung tên, hình biểu diễn, kích thước, các bộ phận.

**Câu 69:** Kích thước trong bản vẽ nhà là:

A. Kích thước chung

B. Kích thước từng bộ phận

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 70:** Kích thước chung trong bản vẽ nhà là:

A. Chiều dài

B. Chiều rộng

C. Chiều cao

D. Cả 3 đáp án trên

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP**

**BÀI 1: VAI TRÒ CỦA BẢN VẼ KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG**

**Câu 1:** **Đáp án: B**

**Câu 2:** **Đáp án: C**

**Câu 3:** **Đáp án: D**

**Câu 4:** **Đáp án: D**

**Câu 5:** **Đáp án: C**

**Câu 6:** **Đáp án: A**

**Câu 7:** **Đáp án: D**

**Câu 8:** **Đáp án: A**

**Câu 9:** **Đáp án: C**

**Câu 10:** **Đáp án: D**

**Câu 11:** **Đáp án: C**

**Câu 12:** **Đáp án: B**

**Câu 13:** **Đáp án: A**

**BÀI 2: HÌNH CHIẾU**

**Câu 14:** **Đáp án: A**

**Câu 15:** **Đáp án: B**

**Câu 16:** **Đáp án: D**

**Câu 17:** **Đáp án: B**

**Câu 18:** **Đáp án: C**

**Câu 19:** **Đáp án: C**

**Câu 20:** **Đáp án: D**

**Câu 21:** **Đáp án: A**

**Câu 22:** **Đáp án: C**

**BÀI 4: BẢN VẼ CÁC KHỐI ĐA DIỆN**

**Câu 23:** **Đáp án: B**

**Câu 24:** **Đáp án: D**

**Câu 25:** **Đáp án: D**

**Câu 26:** **Đáp án: C**

**Câu 27:** **Đáp án: B**

**Câu 28:** **Đáp án: B**

**Câu 29:** **Đáp án: B**

**BÀI 6: BẢN VẼ CÁC KHỐI TRÒN XOAY**

**Câu 30:** **Đáp án: D**

**Câu 31:** **Đáp án: A**

**Câu 32:** **Đáp án: B**

**Câu 33:** **Đáp án: A**

**Câu 34:** **Đáp án: B**

**Câu 35:** **Đáp án: C**

**Câu 36:** **Đáp án: C**

**Câu 37:** **Đáp án: A**

**BÀI 8: KHÁI NIỆM VỀ BẢN VẼ KỸ THUẬT HÌNH CẮT**

**Câu 38:** **Đáp án: B**

**Câu 39:** **Đáp án: D**

**BÀI 9: BẢN VẼ CHI TIẾT**

**Câu 40:** **Đáp án: A**

**Câu 41:** **Đáp án: C**

**Câu 42:** **Đáp án: B**

**Câu 43:** **Đáp án: A**

**Câu 44:** **Đáp án: C**

**Câu 45:** **Đáp án: D**

**Câu 46:** **Đáp án: A**

## BÀI 11: BIỂU DIỄN REN

**Câu 47:** **Đáp án: B**

**Câu 48:** **Đáp án: A**

**Câu 49:** **Đáp án: D**

**Câu 50:** **Đáp án: B**

**Câu 51:** **Đáp án: C**

**Câu 52:** **Đáp án: A**

**Câu 53:** **Đáp án: C**

**Câu 54:** **Đáp án: B**

**Câu 55:** **Đáp án: A**

**BÀI 13 : BẢN VẼ LẮP**

**Câu 56:** **Đáp án: D**

**Câu 57:** **Đáp án: C**

**Câu 58:** **Đáp án: B**

**Câu 59:** **Đáp án: C**

**Câu 60:** **Đáp án: C**

**Câu 61:** **Đáp án: D**

**Câu 62:** **Đáp án: A**

**BÀI 15 : BẢN VẼ NHÀ**

**Câu 63:** **Đáp án: A**

**Câu 64:** **Đáp án: D**

**Câu 65:** **Đáp án: D**

**Câu 66:** **Đáp án: A**

**Câu 67:** **Đáp án: C**

**Câu 68:** **Đáp án: C**

**Câu 69:** **Đáp án: C**

**Câu 70:** **Đáp án: D**